
Bản án số: 15/2018/DS-PT

Ngày 24 tháng 01 năm 2018

V/v “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Chí Trung

Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Hiếu

Bà Thái Thị Phi Yến

-Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thuý Hằng-Cán bộ TAND TP Đà Nẵng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Bà Nguyễn Thị Trâm-Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 24 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2017/TLPT-DS ngày 13 tháng 11 năm 2017 về việc “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ”, do Bản án dân sự sơ thẩm số: 78/2017/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2017/QĐ-PT ngày 12 tháng 01 năm 2018 giữa:

-Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1957 và bà Trần Thị C, sinh năm: 1960.

Cùng trú tại: X68 đường N, quận K, thành phố Đà Nẵng (đều có mặt).

-Bị đơn: Bà Huỳnh Thị X sinh năm: 1955.

Trú tại: X42/2A đường D, quận C, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

Người kháng cáo: Bà Huỳnh Thị X.

Người kháng nghị: Viện trưởng VKSND quận C, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

-Nguyên đơn trình bày:

Ngày 24/9/1997 vợ chồng ông Võ Thành L và bà Huỳnh Thị X có vay của vợ chồng tôi 30 chỉ vàng (loại vàng thị trường 9T6) thời hạn kể từ ngày vay 24/9/1997 đến ngày 30/01 âm lịch 1998 (tức ngày 26/02/1998 dương lịch).

Khi vay vợ chồng ông L bà X có viết giấy vay tiền và có vợ chồng anh L chị T làm chứng và có giao cho vợ chồng tôi giữ 01 cavet xe máy nhãn hiệu Suzuki biển số: 43A-58 E8 và một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H628660 do UBND huyện V cấp ngày 05/3/1996.

Đến thời hạn trả nợ chúng tôi nhắc việc trả nợ thì vợ chồng ông L bà X khát nợ xin gia hạn đến ngày 20/4/1998 sẽ hoàn trả đủ nhưng ông L, bà X cũng chưa trả được khoản nào.

Năm 2005 ông Võ Thành L chết. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn giao cho vợ chồng tôi giữ.

Nay chúng tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Huỳnh Thị X trả một lần 30 chỉ vàng, loại vàng thị trường (9T6) tương đương với số tiền là 101.220.000đ.

-Bị đơn trình bày:

Giấy mượn 30 chỉ vàng (loại vàng 96) thời hạn kể từ ngày vay 24/9/1997 đến ngày 30/01 âm lịch 1998 (tức ngày 26/2/1998 dương lịch) và giấy hẹn nợ xin gia hạn ngày 20/2/1998 tôi thừa nhận đây là chữ ký của ông Võ Thành L nhưng tôi không ký vào giấy mượn vàng. Việc vay mượn vàng của vợ chồng ông H, bà C là do ông L vay mượn. Sau khi ông L chết năm 2005 ông H, bà C thông báo cho tôi về việc ông L và tôi có nợ 30 chỉ vàng loại vàng thị trường 9T6 thì tôi mới biết ông L có vay mượn ông H bà C 30 chỉ vàng nên đã giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H628660

do Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 05/3/1996 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe này mang tên Lê Đình M.

Ngày 08/10/2011 tôi có nhận thừa kế toàn bộ diện tích đất theo văn bản khai nhận tài sản thừa kế quyền sử dụng đất được Phòng Công chứng số X chứng thực ngày 18/7/2011 số: 8185 và ngày 13/5/2015 thừa đất số: 27, tờ bản đồ số: 14 tiếp tục sử dụng đất đến tháng 5/2015.

Nay ông H bà C đòi lại 30 chỉ vàng tương đương số tiền 101.220.000đ tôi đồng ý và có trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng ông H bà C. Tuy nhiên hiện nay do hoàn cảnh kinh tế của tôi quá khó khăn nên đề nghị ông H, bà C cho thời hạn để khi nào tôi bán được đất thì trả nợ.

Với nội dung trên, án sơ thẩm đã xử và quyết định

Áp dụng các Điều 471, 474, 637; Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005; Áp dụng khoản 2 Điều 227, các Điều 147, 235 và 237 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị C đối với bà Huỳnh Thị X xử:

Buộc bà Huỳnh Thị X phải trả cho ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị C 30 chỉ vàng (loại vàng thị trường 9T6), tương đương số tiền 101.220.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí DSST là 5.0161.000 đ bà Huỳnh Thị X phải chịu (giá vàng 9T6 tham khảo cho ngày 14/8/2017 là 3.374.000đ/chỉ).

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị C số tiền tạm ứng án phí là 2.530.500đ tại biên lai thu số 009536 ngày 12/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Đà Nẵng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03 tháng 10 năm 2017, bà Huỳnh Thị X kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do là cấp sơ thẩm không đưa các con của bà và ông L vào tham gia tố tụng.

Ngày 31/10/2017, Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận C, thành phố Đà Nẵng kháng nghị đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm; Sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng thay đổi, rút một phần Quyết định kháng nghị số: 02/2017/QĐKNPT-VKS-DS ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Viện Trưởng Viện Kiểm sát nhân dân quận C, thành phố Đà Nẵng, cho rằng việc đưa những người con của ông Võ Thành L và bà Huỳnh Thị X và ông Lê Đình M vào tham gia tố tụng là không cần thiết; Không cần thiết phải xác minh tài sản của ông Võ Thành L; Rút kháng nghị về việc không đưa Viện Kiểm sát nhân dân quận C vào tham gia tố tụng. Đề nghị HĐXX sửa bản án theo hướng buộc nguyên đơn trả lại cho bị đơn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy đăng ký mô-tô, xe máy và không buộc bà X phải chịu án phí.

[2] HĐXX xét thấy: Việc Tòa án nhân dân quận C đề nghị Công ty V.Đ Đà Nẵng cung cấp giá vàng vào thời điểm xét xử không thuộc trường hợp xác minh, thu thập chứng cứ theo quy định tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự vì theo quy định tại Điều 93 Bộ luật tố tụng dân sự thì chứng cứ *“là những gì”... “được Tòa án sử dụng làm căn cứ để xác định các tình tiết khách quan của vụ án cũng như xác định yêu cầu hay sự phản đối của đương sự là có căn cứ và hợp pháp”*. Yêu cầu khởi kiện của ông H bà C được cấp sơ thẩm chấp nhận là căn cứ vào *“Giấy vay tiền”* ngày 24 tháng 9 năm 1997 và *“Giấy hẹn nợ”* ngày 20 tháng 02 năm 1998 chứ không phải là công văn xác định giá trị vàng do Tòa án gửi Công ty V.Đ Đà Nẵng. Do đó không thuộc trường hợp Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ để có sự tham gia của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận C tại phiên tòa sơ thẩm như quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ

luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng rút kháng nghị đối với nội dung này là phù hợp.

[3] Đối với các nội dung kháng nghị và kháng cáo khác, thì thấy: Việc đưa các con ông L vào tham gia tố tụng là không cần thiết vì tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm bà X đồng ý trả cho ông H bà C 30 chỉ vàng. Ông H bà C không phản đối. Mặt khác, việc bà X đồng ý trả nợ cho ông L, trong khi bà X đã được nhận thừa kế quyền sử dụng lô đất tại thửa 270, tờ bản đồ số 14, xã N, huyện V là thuộc trường hợp người được hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại theo quy định tại Điều 637 BLDS 2005. Do đó kháng cáo của bà X là không có căn cứ.

[4] Khi vay mượn vàng, ông L có giao cho ông H và bà C một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Võ Thành L và một giấy chứng nhận đăng ký mô-tô, xe máy đứng tên ông Lê Đình M nhưng quyết định bản án của cấp sơ thẩm không buộc ông H bà C trả cho bà X giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận xe mô-tô là thiếu sót, HĐXX cấp phúc thẩm bổ sung, buộc ông H bà C trả lại cho bà X các loại giấy tờ trên là đảm bảo quyền lợi cho bà X. Bà X có trách nhiệm trả lại cho ông Lê Đình M giấy chứng nhận đăng ký mô-tô, xe máy, do đó không cần thiết đưa ông M vào tham gia tố tụng như quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát.

[5] Hiện nay bà X đã trên 60 tuổi. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà X được miễn án phí nhưng cấp sơ thẩm buộc bà X phải chịu án phí DSST và nộp tạm ứng án phí DSPT là không đúng. Kháng nghị của Viện kiểm sát về nội dung này là có căn cứ, HĐXX chấp nhận và sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471; Điều 474 và Điều 637 Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị X; Chấp nhận việc thay đổi, rút một phần kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đối với Quyết định kháng nghị số: 02/QĐKNPT-VKS-DS ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Viện Kiểm sát nhân dân quận C, thành phố Đà Nẵng; Sửa Bản án sơ thẩm số: 78/2017/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Đà Nẵng về án phí.

1.1 Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị C đối với bà Huỳnh Thị X.

1.1.1. Buộc bà Huỳnh Thị X phải trả cho ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị C 30 chỉ vàng (loại vàng thị trường 9T6), tương đương số tiền 101.220.000đ.

1.1.2. Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị C phải trả cho bà Huỳnh Thị X bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H 628660 do Ủy ban nhân dân huyện V cấp cho ông Võ Thành L, chỉnh lý biến động đứng tên bà Huỳnh Thị X ngày 08 tháng 10 năm 2011 và bản gốc Giấy chứng nhận Đăng ký xe mô-tô, xe máy đứng tên ông Lê Đình M.

1.1.3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị C yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Huỳnh Thị X còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

1.2. Bà Huỳnh Thị X được miễn án phí DSST

1.3. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị C số tiền tạm ứng án phí DSST là 2.530.500đ (biên lai thu số: 009356 ngày 12/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Đà Nẵng).

2/ Bà Huỳnh Thị X được miễn án phí DSPT và được hoàn lại 300.000đ tạm ứng án phí DSPT đã nộp (tại biên lai thu số: 009827 ngày 18/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Đà Nẵng).

3/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên và được thi hành theo quy định tại Điều 02 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Đà Nẵng.
- TAND quận C.
- Chi cục THADS quận C.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Chí Trung

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 12 năm 2017

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

-Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Chí Trung

-*Các thẩm phán:* Ông Bùi Trọng Danh-Bà Thái Thị Phi Yến

Vào hồi giờ phút ngày 28 tháng 12 năm 2017 tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

-*Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Hồng.

-*Bị đơn:* Bà Lê Thị Hiền.

Ý KIẾN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Ý kiến bà Yến:

-Bà Hiền và bà Hồng thống nhất ngày 24/02/2017 sẽ tiến hành công chứng nhưng sau đó bà Hiền không đồng ý bán và đã trả lại cho bà Hồng số tiền 870.000.000đ. Như vậy, việc các bên không tiếp tục mua bán là do bà Hiền.

-Sau khi đặt cọc giữa bà Hồng và Hiền thống nhất đến ngày 15/02/2017 bà Hồng sẽ giao số tiền còn lại 870.000.000đ nhưng đến ngày 23/02/2017 hai bên giao nhận 870.000.000đ và thống nhất ngày 24/02/2017 sẽ tiến hành công chứng. Như vậy, nếu có việc bà Hiền vi phạm thỏa thuận với bên thứ ba thì không phải do lỗi của bà Hồng.

-Việc bà Hiền mua nhà đất của vợ chồng ông Anh bà Em, không liên quan gì đến bà Hồng.

-Bà Hiền yêu cầu bà Hồng bồi thường số tiền mất thu nhập thuê nhà vì cho rằng bà Hồng quấy phá nhưng không có cơ sở.

Đề nghị: Bác toàn bộ kháng cáo của bà Hiền, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

-Đình chỉ việc bà Hồng rút yêu cầu đối với số tiền phạt cọc tiền lãi.

Ý kiến ông Danh: Thống nhất ý kiến bà Yến.

Ý kiến chủ tọa: Thống nhất ý kiến hai Thẩm phán

Ý kiến thống nhất.

-Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Hồng về số tiền phạt cọc và tiền lãi

-Không chấp nhận kháng cáo của bà Hiền, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

-Buộc bà Hiền phải trả cho bà Hồng và ông Hiệp số tiền: 20.000.000đ.

-Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Hiền.

Bà Lê Thị Hiền phải chịu án phí TCDS và án phí phản tố và án phí DSPT theo quy định.

Biểu quyết: 3/3

hí Trung

